

Số: 158/2018/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc hỗ trợ công chức, viên chức; lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý thôi việc theo nguyện vọng

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HƯNG YÊN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 2488

Ngày: 1/8/2018

Chuyển:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;
Căn cứ Luật Viên chức năm 2010;
Căn cứ Bộ Luật lao động năm 2012;
Căn cứ Luật Việc làm năm 2013;
Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;
Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 255/BC-BPC ngày 06/7/2018 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về việc hỗ trợ công chức, viên chức; lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý thôi việc theo nguyện vọng; cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
 - a) Phạm vi điều chỉnh

- Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

- Các hội có tính chất đặc thù được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

- Các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp.

b) Đối tượng áp dụng

- Công chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

- Viên chức trong chỉ tiêu biên chế sự nghiệp và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

- Người làm việc trong các hội có tính chất đặc thù được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện và các hội có tính chất đặc thù được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

- Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

2. Đối tượng không áp dụng

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được giao tự chủ về tài chính;

b) Các đối tượng thuộc chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

c) Cán bộ quy định tại Khoản 1 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức; Công chức, viên chức và người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật; công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian đã cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng chính sách ưu đãi, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; viên chức chuyên môn y tế có trình độ chuyên ngành từ bác sỹ, dược sỹ trở lên;

d) Các trường hợp đang trong thời gian luân chuyển, biệt phái; đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian tạm giữ, tạm giam, điều tra; đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc

thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Điều kiện áp dụng

Trong quá trình các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết này, có nguyện vọng thôi việc và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

4. Mức hỗ trợ

Đối tượng thôi việc theo nguyện vọng quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết này, ngoài việc được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật hiện hành còn được tính hỗ trợ một lần với mức hỗ trợ 500.000 đồng/01 tháng làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc ở tỉnh ngoài hoặc ở ngành, lĩnh vực khác, trước thời gian làm việc hiện tại ở tỉnh Hưng Yên). Mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/người.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này được trích từ nguồn ngân sách của tỉnh.

6. Thời gian thực hiện

Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 9 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.


Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ Sáu, thông qua ngày 13/7/2018; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính; LĐ, TB và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Đỗ Xuân Tuyên